

Bản án số: 150/2023/DS-PT

Ngày: 19 - 5 - 2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế Phương

*Các Thẩm phán:*

Bà Hoàng Thị Hải Hà

Bà Châu Minh Hoàng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Tạ Trà My là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2023/TLPT-DS ngày 23 tháng 02 năm 2023.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 345/2022/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Quốc C, sinh năm 1980

Bà Nguyễn Thị Huỳnh H, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp Long T, xã L, huyện T, tỉnh V.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Lê Huỳnh N, sinh năm 1990; Địa chỉ: số 26/6 Lâm Thành M, khóm 3, phường 4, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1958 (có mặt)

Bà Lê Thị L, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: khóm 3, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

**- Người kháng cáo:** Ông Nguyễn Quốc C và bà Nguyễn Thị Huỳnh H (là nguyên đơn).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo lời trình bày của các bên đương sự và kết quả xét xử, vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30/01/2018, bà Lê Thị L ký kết hợp đồng với ông Đỗ Xuân T để thi công xây dựng nhà yếm tại thị trấn S, huyện T, thời hạn thi công xây dựng hoàn

thành là 01 năm. Để có kinh phí xây dựng, bà Lê Thị L nhờ con gái là Nguyễn Thị Huỳnh H đứng tên vay vốn tại Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Phòng giao dịch S và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lê Thị L đứng tên diện tích 369,8m<sup>2</sup> để vay số tiền 1.500.000.000 đồng (theo Hợp đồng vay số: LAV 201800357/HĐTD ngày 23/01/2018). Do vợ chồng bà Lê Thị L, ông Nguyễn Thanh V sinh sống ở nước ngoài (Canada, có hai quốc tịch Canada và Việt Nam), nên trong thời gian xây dựng nhà yển, bà Lê Thị L nhờ bà Nguyễn Thị Huỳnh H trông coi, quản lý và trả tiền vật tư. Ngày 02/01/2019, bà Lê Thị L về Việt Nam để thanh toán tiền xây dựng nhà yển với nhà thầu là ông Đỗ Xuân T với số tiền công xây dựng là 707.700.000 đồng (do ông Nguyễn Thanh V) chi trả. Do trong quá trình xây dựng nhà yển, tiền vật tư do bà Nguyễn Thị Huỳnh H trả, có khi bà Lê Thị L, ông Nguyễn Thanh V chi trả nên giữa bà Lê Thị L với bà Nguyễn Thị Huỳnh H tất toán tiền xây dựng nhà yển và bà Lê Thị L còn nợ lại bà Nguyễn Thị Huỳnh H số tiền 1.540.000.000 đồng. Số tiền 1.540.000.000 đồng này do bà Nguyễn Thị Huỳnh H đã thanh toán tiền vật tư cho bà Lê Thị L xong nên bà Lê Thị L ký nhận nợ lại cho bà Nguyễn Thị Huỳnh H với hình thức là tiền cho mượn. Tại “Giấy mượn tiền” ngày 04/01/2019, số tiền 1.540.000.000 đồng được xác định là Lê Thị L mượn của bà Nguyễn Thị Huỳnh H, do bà Nguyễn Thị Huỳnh H cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ngân hàng, thời gian hoàn trả là 01 năm. Ngày 25/3/2019, bà Lê Thị L đến Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Phòng giao dịch Sông Đốc để tất toán nợ vay 1.500.000.000 đồng theo Hợp đồng vay số: LAV 201800357/HĐTD ngày 23/01/2018 để chuộc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng theo hồ sơ vay vốn tại Ngân hàng, ngoài khoản vốn vay 1.500.000.000 đồng thì bà Nguyễn Thị Huỳnh H có vay bổ sung số vốn vay 240.000.000 đồng, bà Lê Thị L đã trả xong khoản vay cho Ngân hàng với số tiền vốn vay là 1.740.000.000 đồng. Việc thanh toán nợ giữa các bên xảy ra tranh chấp và bà Nguyễn Thị Huỳnh H, ông Nguyễn Quốc C (chồng của bà Nguyễn Thị Huỳnh H) khởi kiện.

Theo bà Nguyễn Thị Huỳnh H, ông Nguyễn Quốc C cho rằng: Do bà Lê Thị L không gửi tiền về trả tiền vật tư nên bà Nguyễn Thị Huỳnh H phải vay bổ sung số tiền 240.000.000 đồng cùng với việc thế chấp quyền sử dụng đất của vợ chồng bà Nguyễn Thị Huỳnh H vay nhiều khoản vay khác hơn 3 tỷ đồng để trả tiền vật tư xây nhà yển của bà Lê Thị L, chứ không phải vay sử dụng riêng. Số tiền 1.540.000.000 đồng tuy gọi là tiền mượn nhưng số tiền này vợ chồng bà Nguyễn Thị Huỳnh H, ông Nguyễn Quốc C phải thế chấp tài sản cho Ngân hàng để vay với lãi suất 1.66%/tháng và hiện tại đã bán nhiều tài sản để trả nợ nhưng vẫn chưa trả xong. Khi xây dựng nhà yển, bà Lê Thị L nhờ vợ chồng bà Nguyễn Thị Huỳnh H, ông Nguyễn Quốc C trông coi, quản lý và hứa cho mỗi tháng 10.000.000 đồng, thời gian xây dựng nhà yển là 01 năm bằng 120.000.000 đồng. Từ đó, bà Nguyễn Thị Huỳnh H, ông Nguyễn Quốc C yêu cầu bà Lê Thị L, ông Nguyễn Thanh V trả lại cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Huỳnh H, ông Nguyễn Quốc C 1.540.000.000 đồng với lãi suất 1,66%/tháng trong thời gian 44 tháng bằng 869.176.000 đồng, tổng cộng bằng 2.409.176.000 đồng và tính lãi suất đến khi xét xử cùng với số tiền công sức lao động trong việc trông coi xây dựng nhà yển là 120.000.000 đồng.

Bà Lê Thị L thì cho rằng: Số tiền 1.540.000.000 đồng là tiền tất toán giữa bà

với bà Nguyễn Thị Huỳnh H trong việc xây dựng nhà yến. Số tiền bà thiếu lại chỉ khoảng 800.000.000 đồng nhưng gì bà Nguyễn Thị Huỳnh H áp đảo tinh thần buộc bà ký giấy mượn tiền. Tuy nhiên bà vẫn đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị Huỳnh H số tiền 1.540.000.000 đồng nhưng phải trừ số tiền mà bà đã trả tiền vay cho bà Nguyễn Thị Huỳnh H là 240.000.000 đồng và không đồng ý trả lãi suất vay. Việc xây dựng nhà yến, bà không có thuê mượn bà Nguyễn Thị Huỳnh H trông coi nên không đồng ý trả tiền công lao động cho bà Nguyễn Thị Huỳnh H. Các giao dịch tiền bạc và trả tiền vật tư giữa bà với bà Nguyễn Thị Huỳnh H không liên quan đến ông Nguyễn Quốc C vì bà không công nhận ông Nguyễn Quốc C là con rể.

Ông Nguyễn Thanh V thừa nhận ông là chồng của bà Lê Thị L và đang định cư ở Canada, còn bà Nguyễn Thị Huỳnh H là con riêng của vợ ông. Quá trình xây dựng nhà yến, giao dịch với Ngân hàng và mượn tiền với bà Nguyễn Thị Huỳnh H đều do bà Lê Thị L đứng tên, không liên quan đến ông. Tuy nhiên, ông có đưa tiền cho vợ ông mang về Việt Nam để thanh toán cho bà Nguyễn Thị Huỳnh H nhưng bà Nguyễn Thị Huỳnh H không nhận. Nếu thỏa thuận được với bà Nguyễn Thị Huỳnh H thì ông đồng ý cùng bà Lê Thị L trả cho bà Nguyễn Thị Huỳnh H 1.540.000.000 đồng nhưng trừ số tiền 240.000.000 đồng do bà Nguyễn Thị Huỳnh H đã vay thêm của Ngân hàng. Nếu không thỏa thuận được thì ông không đồng ý cùng với bà Lê Thị L trả nợ cho bà Nguyễn Thị Huỳnh H.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Quốc C và bà Nguyễn Thị Huỳnh H yêu cầu phần tiền công lao động bằng 43.680.000 đồng, các khoản khác giữ y yêu cầu khởi kiện.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 345/2022/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã quyết định:*

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc C và bà Nguyễn Thị Huỳnh H. Buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh V và bà Lê Thị L phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 1.687.001.000 đồng (Một tỷ sáu trăm tám mươi bảy triệu không trăm lẻ một nghìn đồng).

- Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc C và bà Nguyễn Thị Huỳnh H về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh V và bà Lê Thị L phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 804.574.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 09/01/2023 bà Nguyễn Thị Huỳnh H, ông Nguyễn Quốc C kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc bà Lê Thị L, ông Nguyễn Thanh V trả lại số tiền vay (mượn) là 1.540.000.000 đồng với lãi suất 1,66%/tháng kể từ ngày 04/01/2020 cho đến ngày xét xử phúc thẩm; Tiền công lao động là 43.680.000 đồng; không trừ số tiền đã vay mua vật liệu là 240.000.000 đồng và không buộc phải chịu án phí.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng

tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Quốc C và bà Nguyễn Thị Huỳnh H, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 345/2022/DS-ST ngày ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời theo hướng chấp nhận mức lãi 1,66%/tháng để buộc bị đơn trả cho nguyên đơn; đối trừ số tiền 240.000.000 đồng vào số nợ vay 1.540.000.000 đồng; không chấp nhận tiền công lao động theo yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Huỳnh H và ông Nguyễn Quốc C được thực hiện trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét về quan hệ pháp luật thì giữa nguyên đơn và bị đơn tranh chấp với nhau về lãi suất của số tiền 1.540.000.000 đồng tại “Giấy mượn tiền” ngày 04/01/2019 và số tiền vốn vay 240.000.000 đồng do bà Lê Thị L trả nợ vay tại Ngân hàng thay cho bà Nguyễn Thị Huỳnh H cùng với tiền công sức lao động mà bà Nguyễn Thị Huỳnh H trông coi xây dựng nhà yền cho bà Lê Thị L. Từ đó, cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và áp dụng dụng các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự để giải quyết là có căn cứ.

[3] Xét về nội dung tranh chấp cho thấy: Trước khi xây dựng nhà yền thì giữa bà Lê Thị L và bà Nguyễn Thị Huỳnh H thỏa thuận với nhau là bà Nguyễn Thị Huỳnh H đứng tên vay dùm cho bà Lê Thị L 1.500.000 đồng có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lê Thị L đứng tên diện tích 369,8m<sup>2</sup> để làm nguồn vốn xây dựng nhà yền, việc vay nợ thể hiện tại Hợp đồng vay số: LAV 201800357/HĐTD ngày 23/01/2018. Số tiền vốn vay này được bà Lê Thị L tất toán nợ vào ngày 25/3/2019, nhưng khi tất toán nợ tại ngân hàng thì ngoài số tiền vốn vay 1.500.000.000 đồng thì bà Nguyễn Thị Huỳnh H còn vay bổ sung tại hợp đồng vay này với số tiền vốn vay 240.000.000 đồng. Số tiền vốn vay 1.500.000.000 đồng mà bà Lê Thị L đã trả cho Ngân hàng cùng với lãi suất vay của số tiền này thì các bên xác định không có tranh chấp, chỉ tranh chấp số tiền vốn vay 240.000.000 đồng mà bà Nguyễn Thị Huỳnh H vay bổ sung. Số tiền này bà Lê Thị L yêu cầu đối trừ vào số tiền nợ 1.540.000.000 đồng, còn bà Nguyễn Thị Huỳnh H thì không chấp nhận đối trừ. Đối với việc thanh toán tiền xây dựng nhà yền thì hiện tại giữa bà Lê Thị L, bà Nguyễn Thị Huỳnh H xác định không có tranh chấp cũng như tiền của ông Đỗ Xuân Thủy trong việc thi công xây dựng nhà yền cũng đã tất toán xong. Việc tất toán tiền xây dựng nhà yền giữa bà Lê Thị L và bà Nguyễn Thị Huỳnh H được thực hiện vào ngày 04/01/2019, các bên thống nhất xác định số tiền chi phí xây dựng nhà yền bà Lê Thị L còn nợ 1.540.000.000 đồng và số nợ này được xác định là bà Lê Thị L nợ bà Nguyễn Thị Huỳnh H do bà Nguyễn Thị Huỳnh H xuất tiền ra trả tiền vật tư thay cho bà Lê Thị L. Đồng thời các bên xác lập việc nhận nợ tại “Giấy mượn tiền” ngày 04/01/2019. Số tiền nợ này các bên thống nhất xác định không có tranh chấp mà chỉ tranh chấp với nhau về lãi suất của số tiền vay (mượn) 1.540.000.000 đồng kể từ ngày hết hạn trả nợ là ngày 04/01/2020 cho đến khi xét xử. Ngoài ra, bà Nguyễn Thị Huỳnh H và ông Nguyễn Quốc C còn yêu cầu bà Lê Thị L, ông Nguyễn Thanh V trả tiền công lao động trong thời gian 12 tháng trông coi xây dựng nhà yền bằng số tiền công

là 43.680.000 đồng.

[4] Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị Huỳnh H, ông Nguyễn Quốc C cho thấy:

- Về số tiền 240.000.000 đồng theo bà Nguyễn Thị Huỳnh H cho rằng đây là yêu cầu phản tố nhưng bà Lê Thị L không thực hiện thủ tục phản tố theo quy định chung và cũng không đồng ý đối trừ vào số tiền mà bà Lê Thị L còn nợ. Theo thỏa thuận và tại Hợp đồng vay số: LAV 201800357/HĐTD ngày 23/01/2018 thì bà Nguyễn Thị Huỳnh H chỉ đứng tên vay dùm cho bà Lê Thị L 1.500.000.000 đồng, việc bà Nguyễn Thị Huỳnh H vay bổ sung 240.000.000 đồng không có chứng cứ chứng minh cho việc bà Lê Thị L nhờ vay nên được xác định là do bà Nguyễn Thị Huỳnh H tự vay bổ sung, không có sự đồng ý của bà Lê Thị L và khi tất toán hợp đồng vay này với Ngân hàng thì bà Lê Thị L thanh toán luôn phần vay bổ sung này cho bà Nguyễn Thị Huỳnh H để xóa hợp đồng thế chấp tài sản là phù hợp. Đồng thời, theo bà Nguyễn Thị Huỳnh H cho rằng khi vay bổ sung 240.000.000 đồng này là để trả tiền vật tư cho bà Lê Thị L nhưng các đương sự cũng đã thừa nhận việc tất toán tiền xây dựng nhà yến vào ngày 04/01/2019 là đã có cộng số tiền 240.000.000 đồng này vào khoản tiền mà bà Lê Thị L nợ lại, các bên thống nhất xác định là bà Lê Thị L còn nợ bà Nguyễn Thị Huỳnh H 1.540.000.000 đồng và bà Lê Thị L đã ký giấy nhận nợ. Do vậy, cho dù bà Nguyễn Thị Huỳnh H có vay 240.000.000 đồng để trả tiền vật tư xây dựng nhà yến thì cũng đã được tổng hợp vào khoản nợ vay (mượn) của số tiền 1.540.000.000 đồng mà bà Lê Thị L nhận nợ của bà Nguyễn Thị Huỳnh H. Từ đó, cấp sơ thẩm đối trừ số tiền 240.000.000 đồng vào khoản nợ 1.540.000.000 đồng mà bà Lê Thị L phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Huỳnh H là có căn cứ. Số tiền nợ gốc còn lại mà bà Lê Thị L, ông Nguyễn Thanh V còn phải trả cho bà Nguyễn Thị Huỳnh H, ông Nguyễn Quốc C là 1.300.000.000 đồng. Việc bà Lê Thị L yêu cầu đối trừ số tiền 240.000.000 đồng vào khoản nợ mà bà Lê Thị L còn nợ được xác định là yêu cầu về đối trừ nghĩa vụ chứ không phải là yêu cầu phản tố theo nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị Huỳnh H, ông Nguyễn Quốc C.

- Về lãi suất của số tiền 1.540.000.000 đồng (*sau khi đối trừ số tiền vay 240.000.000 đồng, còn lại là 1.300.000.000 đồng*) mà bà Nguyễn Thị Huỳnh H, ông Nguyễn Quốc C yêu cầu thì tại “Giấy mượn tiền” ngày 04/01/2019 có xác định nội dung là “khoản tiền trên do bà Nguyễn Thị Huỳnh H cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ngân hàng và xác định bà Lê Thị L phải chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu không trả nợ đúng hạn vào ngày 04/01/2020”. Tuy nhiên, kể từ khi nhận nợ thì số tiền trên bà Nguyễn Thị Huỳnh H đồng ý cho bà Lê Thị L mượn, không có lãi suất và thời gian trả nợ là 01 năm. Giữa bà Nguyễn Thị Huỳnh H và bà Lê Thị L không quy định về trách nhiệm chịu lãi kể từ ngày hết thời hạn cho mượn (04/01/2020) mà bà Lê Thị L không trả tiền. Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định yêu cầu bị đơn phải chịu lãi suất chậm trả kể từ ngày 04/01/2020 với mức lãi suất 1,66%/ tháng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự quy định “*Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ*

luật này”; Khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định “*Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác*” và tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*”. Từ đó, cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ kể từ ngày hết hạn trả nợ là ngày 04/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền nợ chậm trả cho bà Nguyễn Thị Huỳnh H là có căn cứ. Trong đó, số tiền gốc phải trả là 1.300.000.000 đồng được tính lãi suất 10%/1năm, thời gian tính lãi chậm trả kể từ ngày 04/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm bằng số tiền lãi là 387.001.000 đồng.

- Về tiền công sức lao động mà bà Nguyễn Thị Huỳnh H, ông Nguyễn Quốc C yêu cầu bà Lê Thị L, ông Nguyễn Thanh V trả bằng 120.000.000 đồng do thực hiện trông coi xây dựng nhà yến với thời gian 01 năm. Tại phiên tòa sơ thẩm và yêu cầu kháng cáo, bà Nguyễn Thị Huỳnh H và ông Nguyễn Quốc C chỉ yêu cầu trả bằng mức tiền công lao động theo mức lương tối thiểu vùng tại Cà Mau bằng 43.680.000 đồng. Do không có căn cứ chứng minh việc bà Lê Thị L thỏa thuận trả tiền công lao động cho bà Nguyễn Thị Huỳnh H trong thời gian quản lý, trông coi xây dựng nhà yến, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu về tiền công lao động của nguyên đơn. Tuy bà Nguyễn Thị Huỳnh H không chứng minh được việc bà Lê Thị L hứa cho mỗi tháng bằng 10.000.000 đồng trong thời gian trông coi xây dựng nhà yến nhưng trên thực tế từ khi ký hợp đồng xây dựng nhà yến với nhà thầu thi công vào ngày 30/01/2018 thì vợ chồng bà Lê Thị L, ông Nguyễn Thanh V về sinh sống ở Canada, mọi việc xây dựng nhà yến từ khâu trông coi, quản lý, mua vật tư, thanh toán tiền vật tư đều do bà Nguyễn Thị Huỳnh H quyết định và thực hiện. Mặc dù không bằng văn bản và bà Lê Thị L phủ nhận nhưng thực tế rõ ràng bà Nguyễn Thị Huỳnh H thực hiện công việc có ủy quyền từ phía bà Lê Thị L, các công việc mà bà Nguyễn Thị Huỳnh H thực hiện đều mang lại lợi ích cho bà Lê Thị L chứ không vì lợi ích của bà Nguyễn Thị Huỳnh H. Hơn nữa, bà Lê Thị L phủ nhận việc trả thù lao; công sức lao động cho bà Nguyễn Thị Huỳnh H nhưng rõ ràng bà Nguyễn Thị Huỳnh H đã bỏ ra công sức lao động và mất thu nhập thực tế trong khoảng thời gian xây dựng nhà yến. Căn cứ vào Điều 567 của Bộ luật dân sự thì buộc bà Lê Thị L phải chịu trách nhiệm trả tiền công lao động cho bà Nguyễn Thị Huỳnh H trên danh nghĩa là tiền thù lao dự trên chế độ tiền lương (*mức lương tối thiểu vùng*) là thỏa đáng. Thời gian tính tiền công lao động 01 năm và mức tiền công theo tính theo mức lương tối thiểu vùng mà bà Nguyễn Thị Huỳnh H yêu cầu là hoàn toàn phù hợp với quy định tại các Điều 90, 91 của Bộ luật Lao động và Nghị định số: 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính phủ.

- Đối với phần tiền không được cấp sơ thẩm chấp nhận bà Nguyễn Thị Huỳnh H, ông Nguyễn Quốc C kháng cáo yêu cầu không tính án là không có căn cứ và không đúng với quy định của pháp luật về nghĩa vụ chịu án phí được quy

định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1, 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Từ nhận định trên, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Huỳnh H, ông Nguyễn Quốc C. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 345/2022/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau về việc chấp nhận đối trừ số tiền 240.000.000 đồng vào số nợ còn lại của bị đơn là phù hợp nên chấp nhận. Đối với việc tính lãi suất của số nợ còn lại với mức lãi suất 1,66%/tháng và không chấp nhận tiền công lao động theo yêu cầu của nguyên đơn là chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[7] Đối với việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời về cấm xuất cảnh đối với bà Lê Thị L và ông Nguyễn Thanh V theo Quyết định số: 963/2022/QĐ-BPKCTT ngày 03/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời. Theo quyết định thì bà Lê Thị L, ông Nguyễn Thanh V bị cấm xuất cảnh từ ngày 03/11/2022 cho đến khi giải quyết xong vụ án. Do vậy, thời gian cấm xuất cảnh đối với bà Lê Thị L và ông Nguyễn Thanh V cũng đã hết nên Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 963/2022/QĐ-BPKCTT ngày 03/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị hủy bỏ kể từ ngày tuyên án.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm, bà Lê Thị L, ông Nguyễn Thanh V là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Huỳnh H, ông Nguyễn Quốc C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu không được chấp nhận. Án phí dân sự phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Huỳnh H, ông Nguyễn Quốc C không phải chịu và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm d Điều 12; khoản 4 Điều 26; Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Huỳnh H, ông Nguyễn Quốc C. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 345/2022/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

2. Căn cứ vào Điều 26; điểm e khoản 1 Điều 138; các Điều 147, 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 357, 463, 466, 468, 567 của Bộ luật dân sự; Điều 90, 91 của Bộ luật Lao động; Nghị định số: 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính phủ và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Huỳnh H, ông

Nguyễn Quốc C. Buộc bà Lê Thị L, ông Nguyễn Thanh V trả cho bà Nguyễn Thị Huỳnh H, ông Nguyễn Quốc C số tiền là 1.730.681.000 đồng (*Một tỷ bảy trăm ba mươi triệu sáu trăm tám mươi một ngàn đồng*).

- Không chấp nhận phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị Huỳnh H, ông Nguyễn Quốc C về số tiền chênh lệch còn lại là 722.175.000 đồng.

*Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Huỳnh H, ông Nguyễn Quốc C có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền phải trả thì hàng tháng bà Lê Thị L, ông Nguyễn Thanh V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.*

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị L, ông Nguyễn Thanh V được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Huỳnh H, ông Nguyễn Quốc C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là 32.887.000 đồng, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí là 43.916.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0005484 ngày 11/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, Bà Nguyễn Thị Huỳnh H, ông Nguyễn Quốc C được hoàn lại 11.029.000 đồng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Huỳnh H, ông Nguyễn Quốc C không phải chịu. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị Huỳnh H số tiền 300.000 đồng và ông Nguyễn Quốc C 300.000 đồng tại các biên lai thu tiền số 0006016; 0006017 ngày 10/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

5. Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thế Phương**



